

Số: /KH-UBND

Đắk Hà, ngày tháng năm 2022

KẾ HOẠCH

Thực hiện Chiến lược phát triển giáo dục nghề nghiệp giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2045 trên địa bàn huyện Đắk Hà

Thực hiện Kế hoạch số 2312/KH-UBND, ngày 20/7/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum về việc triển khai thực hiện Chiến lược Phát triển giáo dục nghề nghiệp giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2045 trên địa bàn tỉnh Kon Tum.

Ủy ban nhân dân huyện Đắk Hà xây dựng Kế hoạch thực hiện Chiến lược Phát triển giáo dục nghề nghiệp giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2045 trên địa bàn huyện, với những nội dung như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Phát triển giáo dục nghề nghiệp là nhiệm vụ quan trọng hàng đầu trong tình hình phát triển nguồn nhân lực trực tiếp có chất lượng, có trình độ kỹ năng nghề cao, phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của huyện theo Nghị quyết của Đại hội Đại biểu Đảng bộ huyện Đắk Hà lần thứ VI, nhiệm kỳ 2020-2025; Nghị quyết của Hội đồng nhân dân huyện về Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm giai đoạn 2021-2025.

2. Phát triển giáo dục nghề nghiệp là trách nhiệm của các cấp, các ngành, doanh nghiệp, cơ sở giáo dục nghề nghiệp và người dân trên địa bàn huyện; được chú trọng trong các kế hoạch, chương trình, đề án, dự án phát triển kinh tế - xã hội của huyện.

3. Việc xây dựng Kế hoạch thực hiện Chiến lược cần xác định mục tiêu, giải pháp phù hợp với tình hình thực tế của địa phương; phân công nhiệm vụ cụ thể để các đơn vị, địa phương triển khai thực hiện và làm căn cứ để đánh giá việc triển khai thực hiện trên địa bàn huyện.

II. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu tổng quát

Phát triển nhanh giáo dục nghề nghiệp nhằm đáp ứng nhu cầu đa dạng của thị trường lao động, của người dân và yêu cầu ngày càng cao về số lượng, cơ cấu, chất lượng nhân lực có kỹ năng nghề cho phát triển kinh tế - xã hội của huyện theo từng giai đoạn.

2. Mục tiêu cụ thể

a) Đến năm 2025: Phần đầu tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ đạt trên 45%, đảm bảo quy mô, cơ cấu ngành nghề đào tạo phù hợp với cơ cấu kinh tế của huyện, chất lượng đào tạo nghề nghiệp được nâng cao.

* Một số chỉ tiêu chủ yếu:

- Thu hút 40-45% học sinh tốt nghiệp Trung học cơ sở và học sinh Trung học phổ thông vào hệ thống Giáo dục nghề nghiệp; học sinh, sinh viên nữ đạt trên 30% trong tổng chỉ tiêu tuyển sinh mới.

- Đào tạo, đào tạo lại thường xuyên cho khoảng 25% lực lượng lao động.
- Tỷ lệ lao động là người dân tộc thiểu số qua đào tạo nghề nghiệp đạt 45%.
- Giải quyết từ 80% trở lên nhu cầu học nghề của người khuyết tật còn khả năng lao động.

- Tỷ lệ lao động có kỹ năng công nghệ thông tin đạt 80%.
- 50% chương trình đào tạo các ngành nghề trọng điểm đạt tiêu chuẩn kiểm định chất lượng.

- Phần đầu 100% nhà giáo đạt chuẩn; khoảng 80% cán bộ quản lý được đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực quản lý - quản trị hiện đại.

- Phần đầu khoảng 80% ngành, nghề đào tạo được xây dựng, cập nhật chuẩn đầu ra theo Khung trình độ quốc gia.

b) Đến năm 2030: Tập trung nâng cao chất lượng hiệu quả giáo dục nghề nghiệp, nhằm đáp ứng nhu cầu nhân lực có kỹ năng nghề; chủ động tham gia vào thị trường đào tạo nhân lực quốc gia; góp phần nâng cao tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ đạt trên 55%.

* Một số chỉ tiêu chủ yếu:

- Thu hút 45 - 50% học sinh tốt nghiệp Trung học cơ sở và học sinh Trung học phổ thông vào hệ thống Giáo dục nghề nghiệp; học sinh, sinh viên nữ đạt trên 40% trong tổng chỉ tiêu tuyển sinh mới.

- Đào tạo lại, đào tạo thường xuyên cho khoảng 50% lực lượng lao động.
- Tỷ lệ lao động là người dân tộc thiểu số qua đào tạo nghề nghiệp đạt trên 50%.

- Giải quyết từ 90% trở lên nhu cầu học nghề của người khuyết tật còn khả năng lao động.

- Tỷ lệ lao động có các kỹ năng công nghệ thông tin đạt 90%.
- 100% chương trình đào tạo các ngành, nghề trọng điểm đạt tiêu chuẩn kiểm định chất lượng.

- Phần đầu 100% nhà giáo đạt chuẩn; khoảng 90% cán bộ quản lý được đào tạo, bồi dưỡng nâng cao kỹ năng quản lý - quản trị hiện đại.

- Phần đầu khoảng 90% ngành, nghề đào tạo được xây dựng, cập nhật chuẩn đầu ra theo Khung trình độ quốc gia.

c) Tầm nhìn đến năm 2045: Giáo dục nghề nghiệp đáp ứng nhu cầu nhân lực có kỹ năng nghề cao của thị trường lao động; có năng lực cạnh tranh vượt trội ở một số lĩnh vực, ngành nghề đào tạo.

III. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

1. Hoàn thiện thể chế, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về giáo dục nghề nghiệp

- Triển khai hiệu quả Khung trình độ quốc gia Việt Nam đối với các trình độ và khung trình độ kỹ năng nghề quốc gia.

- Áp dụng, xây dựng cơ chế, chính sách thu hút các nhà đầu tư, doanh

ng nghiệp, người sử dụng lao động tích cực tham gia hoạt động giáo dục nghề nghiệp và phát triển kỹ năng nghề, chú trọng đào tạo nghề tại nơi làm việc.

- Triển khai, thực hiện linh hoạt cơ chế chính sách nhằm thu hút, tuyển dụng cán bộ quản lý nhà nước về giáo dục nghề nghiệp và cán bộ quản lý cơ sở giáo dục nghề nghiệp.

- Đề xuất hoàn thiện cơ chế, chính sách tuyển dụng, sử dụng, đãi ngộ đối với nhà giáo, nghệ nhân, chuyên gia, người dạy nghề trong giáo dục nghề nghiệp. Có chính sách khuyến khích và cơ chế mở, linh hoạt để thu hút, đào tạo bồi dưỡng nhà khoa học, cán bộ kỹ thuật, nghệ nhân, người có kỹ năng nghề cao và kinh nghiệm thực tiễn nghề nghiệp tham gia đào tạo nghề.

- Nghiên cứu, xây dựng, đề xuất cấp có thẩm quyền ban hành chính sách thu hút người học các trình độ giáo dục nghề nghiệp thuộc lĩnh vực, ngành nghề trọng điểm; ngành nghề nặng nhọc, độc hại, văn hóa nghệ thuật, chăm sóc sức khỏe...; chính sách đối với các đối tượng đặc thù như: người khuyết tật, người dân tộc thiểu số, lao động nông thôn, lao động nữ, người thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, bộ đội xuất ngũ,...; chính sách về bình đẳng giới, chính sách hỗ trợ vay vốn khởi nghiệp cho học sinh, sinh viên và người lao động qua đào tạo nghề.

- Đề xuất hoàn thiện cơ chế, chính sách cho người lao động tự do, người lao động thất nghiệp hoặc có nguy cơ thất nghiệp do tác động của cách mạng công nghiệp, thiên tai, dịch bệnh... được tham gia học nghề.

- Tiếp tục thực hiện các chính sách nhằm đẩy mạnh phân luồng học sinh sau tốt nghiệp Trung học cơ sở và Trung học phổ thông vào Giáo dục nghề nghiệp và từng bước phổ cập nghề cho thanh niên.

- Khuyến khích phát triển cơ sở giáo dục nghề nghiệp tư thực, có vốn đầu tư nước ngoài, cơ sở giáo dục trong doanh nghiệp.

- Nâng cao trách nhiệm tạo động lực và tính tự chủ gắn với trách nhiệm người đứng đầu trong cơ sở giáo dục nghề nghiệp. Áp dụng khung đảm bảo chất lượng giáo dục nghề nghiệp quốc gia, chương trình đào tạo thuộc các lĩnh vực ngành, nghề đặc thù đáp ứng nhu cầu và thị trường lao động.

2. Đẩy nhanh chuyển đổi số, hiện đại hóa cơ sở vật chất thiết bị và đổi mới chương trình, phương thức đào tạo

a) Đẩy nhanh chuyển đổi số

- Chuyển biến căn bản nhận thức và nhanh chóng nâng cao năng lực chuyển đổi số của các cơ quan quản lý nhà nước về giáo dục nghề nghiệp và cơ sở giáo dục nghề nghiệp.

- Triển khai đồng bộ hạ tầng số, bao gồm: hạ tầng dữ liệu, hạ tầng kỹ thuật của các cơ quan quản lý nhà nước về giáo dục nghề nghiệp ở huyện, địa phương và cơ sở giáo dục nghề nghiệp. Phát triển, nâng cấp và hoàn thiện hệ thống cơ sở dữ liệu đồng bộ với hệ thống cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành khác góp phần hình thành cơ sở dữ liệu mở quốc gia.

- Xây dựng, cập nhật các nền tảng số, kho học liệu số ở tất cả các trình độ, ngành nghề đào tạo có khả năng triển khai dùng chung và hỗ trợ dạy học trực tuyến các cấp độ trong giáo dục nghề nghiệp.

b) Hiện đại hóa cơ sở vật chất thiết bị

- Phát triển các cơ sở giáo dục nghề nghiệp theo hướng đáp ứng tiêu chuẩn quốc gia cho cơ sở giáo dục nghề nghiệp; tiêu chuẩn cơ sở vật chất trong thực hành, thực nghiệm, thí nghiệm; định mức kinh tế - kỹ thuật về đào tạo; danh mục thiết bị đào tạo tối thiểu cho các ngành, nghề theo các cấp độ và trình độ đào tạo.

- Hiện đại hóa cơ sở vật chất, thiết bị đào tạo của cơ sở giáo dục nghề nghiệp, phù hợp với công nghệ sản xuất của doanh nghiệp, định hướng phân tầng chất lượng. Tăng cường gắn kết với doanh nghiệp để khai thác, sử dụng thiết bị đào tạo tại doanh nghiệp. Phát triển mô hình “Nhà trường thông minh, hiện đại”, “Nhà trường xanh”.

c) Đổi mới chương trình, phương thức đào tạo

- Xây dựng, cập nhật chương trình đào tạo đáp ứng yêu cầu chuẩn đầu ra theo Khung trình độ quốc gia Việt Nam. Thực hiện theo quy định về đổi mới quy trình, phương pháp phát triển chương trình đào tạo theo hướng mở, linh hoạt, liên thông dựa trên mô đun, tín chỉ và các quy đổi tương đương, đáp ứng chuẩn đầu ra và khối lượng học tập tối thiểu. Phát triển chương trình đào tạo các ngành, nghề mới, ngành, nghề công nghệ thông tin, ứng dụng công nghệ mới, kỹ năng tương lai và các chương trình đào tạo cho người lao động trong các doanh nghiệp theo hình thức vừa làm vừa học ở trình độ trung cấp, cao đẳng.

- Đa dạng hóa phương thức tổ chức đào tạo với sự ứng dụng mạnh mẽ của công nghệ thông tin. Phát triển mạnh học nghề tại nơi làm việc; chú trọng đào tạo lại, đào tạo thường xuyên cho người lao động. Đẩy mạnh triển khai liên kết nhà trường và doanh nghiệp.

- Thực hiện thí điểm, triển khai một số mô hình đào tạo mới, nhất là đào tạo những ngành, nghề đáp ứng yêu cầu cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, nền kinh tế số và phát triển bền vững, bao trùm trong giáo dục nghề nghiệp khi có hướng dẫn của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

- Đổi mới, đa dạng phương thức kiểm tra, đánh giá, có sự tham gia và thừa nhận của người sử dụng lao động. Triển khai công nhận kỹ năng, trình độ của người học, người lao động đã tích lũy từ học tập và kinh nghiệm làm việc thực tế ở trong và ngoài nước theo hướng dẫn.

- Giáo dục toàn diện, chú trọng đến phát triển phẩm chất, bình đẳng giới, hình thành các kỹ năng cốt lõi, kỹ năng mềm, kỹ năng số, trình độ ngoại ngữ và cá thể hóa người học.

3. Phát triển đội ngũ nhà giáo, nghệ nhân, chuyên gia, người dạy nghề và cán bộ quản lý trong giáo dục nghề nghiệp

a) Phát triển đội ngũ nhà giáo, nghệ nhân, chuyên gia, người dạy nghề

- Thực hiện chuẩn hóa nhà giáo theo quy định, chú trọng kinh nghiệm thực tiễn, năng lực nghề nghiệp và công tác đào tạo, bồi dưỡng năng lực chuyên môn, năng lực sư phạm cho nhà giáo. Tạo điều kiện cho người có chuyên môn, nghiệp vụ ở các ngành nghề khác chuyển sang làm giáo viên, giảng viên được tham gia các kỳ thi công nhận kỹ năng, trình độ phù hợp trình độ chuyên môn và ngành/ngành giảng dạy.

- Đổi mới, nâng cao chất lượng, đa dạng hóa các chương trình, phương thức tổ chức đào tạo, bồi dưỡng cho nhà giáo. Đào tạo, bồi dưỡng tại các cơ sở đào tạo chất lượng cao đối với nhà giáo giảng dạy các ngành nghề trọng điểm.

- Phát triển đội ngũ nghệ nhân, chuyên gia, người dạy nghề đủ năng lực tham gia đào tạo các cấp trình độ của giáo dục nghề nghiệp. Triển khai có hiệu quả mạng lưới kết nối đội ngũ nhà giáo, nghệ nhân, chuyên gia và người dạy nghề trong giáo dục nghề nghiệp.

b) Phát triển đội ngũ cán bộ quản lý giáo dục nghề nghiệp

- Chuẩn hóa cán bộ quản lý cơ sở giáo dục nghề nghiệp theo hướng chú trọng kỹ năng quản lý - quản trị hiện đại, đổi mới sáng tạo, kỹ năng số, trình độ ngoại ngữ.

- Tạo điều kiện cho cán bộ quản lý cơ sở giáo dục nghề nghiệp, cán bộ quản lý nhà nước về giáo dục nghề nghiệp, tổ chức tham gia các lớp tập huấn, đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực.

4. Gắn kết chặt chẽ giáo dục nghề nghiệp với doanh nghiệp và thị trường lao động

- Xây dựng và thực thi cơ chế hợp tác giữa Nhà nước, Nhà trường, Nhà doanh nghiệp, người sử dụng lao động, các tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị - xã hội nghề nghiệp trong các hoạt động giáo dục nghề nghiệp trên cơ sở hài hòa lợi ích và trách nhiệm xã hội.

- Xây dựng các mô hình gắn kết giáo dục nghề nghiệp với doanh nghiệp, hợp tác xã, cơ sở sản xuất - kinh doanh và thị trường lao động. Hỗ trợ kỹ thuật cho doanh nghiệp, người sử dụng lao động thông qua năng lực, phát triển các quy trình, công cụ thu thập, cập nhật và tổng hợp dữ liệu thông tin về cung, cầu đào tạo nghề nghiệp.

- Thu thập thông tin, dự báo nhu cầu đào tạo nghề nghiệp, đặc biệt các ngành nghề khoa học - kỹ thuật - công nghệ, ưu tiên cho công nghệ thông tin, công nghệ mới, công nghệ cao, các kỹ năng tương lai. Khai thác hiệu quả dữ liệu, thông tin thị trường lao động quốc gia kết hợp với điều tra định kỳ hoặc đột xuất về nhu cầu lao động, nhu cầu kỹ năng, nhu cầu đào tạo của doanh nghiệp, người sử dụng lao động và phản hồi của người tốt nghiệp phục vụ quản lý và đào tạo.

- Tăng cường gắn kết giữa cơ sở giáo dục nghề nghiệp huyện và Trung tâm Dịch vụ việc làm tỉnh hỗ trợ người học tìm việc làm sau khi tốt nghiệp; gắn kết đào tạo với việc đưa lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng.

5. Nghiên cứu ứng dụng khoa học và chuyển giao công nghệ; hướng nghiệp, khởi nghiệp và đổi mới sáng tạo

- Tạo điều kiện thuận lợi để cán bộ quản lý, nhà giáo nâng cao năng lực nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ, tư vấn hướng nghiệp, khởi nghiệp, đặc biệt là nghiên cứu phục vụ quản lý nhà nước.

- Tăng cường nghiên cứu khoa học giáo dục nghề nghiệp theo hướng ứng dụng và chuyển giao công nghệ với sự tham gia của người học, nhà giáo, chuyên gia, nghệ nhân, người sử dụng lao động. Gắn hoạt động đào tạo với chuyển giao

công nghệ, nghiên cứu khoa học theo cơ chế đặt hàng; gắn kết giữa nhà khoa học với nhà trường và doanh nghiệp.

- Đẩy mạnh hướng nghiệp trước, trong và sau đào tạo nghề nghiệp; thúc đẩy tinh thần khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo cho người học và các hoạt động hỗ trợ người học khởi nghiệp, tự tạo việc làm.

6. Tăng cường huy động và nâng cao hiệu quả đầu tư tài chính cho giáo dục nghề nghiệp

- Tăng ngân sách nhà nước cho giáo dục nghề nghiệp hàng năm. Ưu tiên phân bổ ngân sách cho giáo dục nghề nghiệp trong các chương trình, dự án của địa phương. Huy động, đa dạng hóa nguồn lực đầu tư cho giáo dục nghề nghiệp, khuyến khích các khu vực tư nhân tham gia giáo dục nghề nghiệp. Đẩy mạnh tự chủ đối với cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập. Tăng cường nguồn thu sự nghiệp từ hoạt động sản xuất kinh doanh, hoạt động liên doanh, liên kết và cho thuê tài sản công theo quy định của pháp luật.

- Tăng cường ngân sách nhà nước hỗ trợ cơ sở giáo dục nghề nghiệp nâng cao chất lượng đào tạo, đồng thời hỗ trợ trực tiếp cho người nghèo, đối tượng chính sách khi sử dụng dịch vụ giáo dục nghề nghiệp.

7. Truyền thông, nâng cao hình ảnh, thương hiệu và giá trị xã hội của giáo dục nghề nghiệp

- Hình thành hệ sinh thái truyền thông giáo dục nghề nghiệp với sự tham gia của hệ thống chính trị, chính quyền các cấp, cơ sở đào tạo, người học, người sử dụng lao động và cộng đồng xã hội, nhằm nâng cao nhận thức của xã hội về vị trí, vai trò của giáo dục nghề nghiệp, tầm quan trọng của kỹ năng lao động và cơ hội có việc làm, thu nhập ổn định sau đào tạo nghề nghiệp.

- Hình thành đội ngũ làm công tác truyền thông về giáo dục nghề nghiệp, nâng cao năng lực cho các cán bộ truyền thông trong cơ quan quản lý nhà nước và cơ sở giáo dục nghề nghiệp.

- Đa dạng hoá các hoạt động truyền thông và hình thức triển khai, xây dựng chuyên trang, chuyên mục, kênh, sóng riêng về giáo dục nghề nghiệp, phát thanh tại khu vực nông thôn, bảo đảm thông tin tin cậy, đầy đủ, kịp thời, phù hợp với từng nhóm đối tượng về hình ảnh, vị thế, thông điệp về giáo dục nghề nghiệp, ngày kỹ năng lao động Việt Nam,... Tăng cường tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật về giáo dục nghề nghiệp.

- Tổ chức các chương trình, sự kiện, cuộc thi, giải thưởng, danh hiệu nhằm tôn vinh người học, nhà giáo, người dạy nghề, cán bộ quản lý, người sử dụng lao động, lao động có kỹ năng, các tổ chức có nhiều thành tích, đóng góp cho hoạt động giáo dục nghề nghiệp và phát triển kỹ năng nghề.

- Xây dựng chương trình truyền thông địa phương chia sẻ thành công của những người tốt nghiệp các trình độ giáo dục nghề nghiệp, các mô hình đổi mới, sáng tạo, khởi nghiệp thành công trong giáo dục nghề nghiệp.

- Chủ động tham gia, định hướng các mạng xã hội về giáo dục nghề nghiệp bảo đảm thống nhất, tạo môi trường số kết nối, chia sẻ giữa cơ quan quản lý, cơ sở giáo dục nghề nghiệp, đơn vị sử dụng lao động, gia đình, nhà giáo, người học; hình thành mạng xã hội giáo dục nghề nghiệp mở.

8. Chủ động và nâng cao hiệu quả hội nhập quốc tế về giáo dục nghề nghiệp

- Tích cực tham gia các cuộc thi, tổ chức, diễn đàn về giáo dục nghề nghiệp.
- Tham gia các hoạt động giao lưu văn hoá, thể dục thể thao giữa học sinh, sinh viên các cơ sở giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn tỉnh.

IV. KINH PHÍ THỰC HIỆN

- Nguồn ngân sách Nhà nước cấp hằng năm.
- Các nguồn thu hợp pháp khác.
- Huy động của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài huyện và các quỹ hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Phòng Lao động-TB&XH

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan triển khai, tổ chức thực hiện Kế hoạch; tham mưu cho UBND huyện ban hành kế hoạch hàng năm.
- Phối hợp với các cơ quan, đơn vị và UBND các xã, thị trấn tổ chức tuyên truyền, kiểm tra, đôn đốc, giám sát, đánh giá tình hình thực hiện Chiến lược Phát triển giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn huyện; tổng hợp tình hình thực hiện, định kỳ báo cáo theo quy định.

2. Phòng Nông nghiệp và PTNT

Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan, UBND các xã, thị trấn tổ chức tuyên truyền, kiểm tra, giám sát công tác giáo dục nghề nghiệp cho lao động nông thôn; cụ thể hóa các nội dung trong Chiến lược Phát triển giáo dục nghề nghiệp giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2045, để thực hiện lồng ghép vào các nội dung, kế hoạch thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới trên địa bàn huyện.

3. Phòng Giáo dục và Đào tạo: Chủ trì, phối hợp với Phòng Lao động - TB&XH và các phòng, ban liên quan đẩy mạnh phân luồng học sinh sau tốt nghiệp Trung học cơ sở và Trung học phổ thông vào Giáo dục nghề nghiệp.

4. Phòng Tài chính-Kế hoạch: Hằng năm, tham mưu cho UBND huyện quản lý, sử dụng kinh phí theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn để thực hiện Chiến lược Phát triển giáo dục nghề nghiệp theo kế hoạch.

5. Phòng Dân tộc

Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan, UBND các xã, thị trấn tổ chức tuyên truyền, kiểm tra, giám sát công tác giáo dục nghề nghiệp tại các vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; cụ thể hóa các nội dung trong Chiến lược Phát triển giáo dục nghề nghiệp giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2045 để thực hiện lồng ghép vào các nội dung, kế hoạch thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi trên địa bàn huyện.

6. Phòng Văn hóa - Thông tin, Trung tâm VH-TT-DL & TT huyện

Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan và UBND các xã, thị trấn thông tin, tuyên truyền các chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về Giáo dục nghề nghiệp, Chiến lược Phát triển giáo dục nghề nghiệp giai đoạn 2021- 2030, tầm nhìn đến năm 2045, nhằm nâng cao nhận thức và sự tham gia của các tầng lớp nhân dân góp phần thực hiện hoàn thành mục tiêu Chiến lược Phát triển giáo dục nghề nghiệp đã đề ra.

7. Các cơ quan, đơn vị liên quan: Căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao xây dựng kế hoạch thực hiện của đơn vị; phối hợp thực hiện, lồng ghép các hoạt động của đơn vị với mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp tại kế hoạch này.

8. Đề nghị Huyện đoàn

- Cụ thể hóa, lồng ghép các quan điểm, mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp của Kế hoạch vào tổ chức thực hiện phù hợp với Chương trình Phát triển thanh niên huyện giai đoạn 2021-2030.

- Thực hiện tuyên truyền cho thanh niên về vị trí, vai trò của giáo dục nghề nghiệp, tầm quan trọng của kỹ năng lao động và cơ hội có việc làm, thu nhập ổn định sau đào tạo nghề nghiệp.

9. Đề nghị Ủy ban MTTQ Việt Nam và các đoàn thể chính trị - xã hội huyện

Theo chức năng, nhiệm vụ phối hợp tổ chức tuyên truyền, phổ biến nội dung Chiến lược và kế hoạch này đến hội viên, đoàn viên và Nhân dân biết; phối hợp triển khai các hoạt động Kế hoạch và tổ chức giám sát việc thực hiện Chiến lược trên địa bàn huyện; kịp thời kiến nghị cấp có thẩm quyền xử lý nếu phát hiện tồn tại, hạn chế (nếu có).

10. Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn

Xây dựng kế hoạch và tổ chức triển khai thực hiện tại địa phương; đẩy mạnh thông tin tuyên truyền Chiến lược phát triển giáo dục nghề nghiệp giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2045 đến mọi tầng lớp nhân dân trên địa bàn, góp phần thực hiện hoàn thành mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp kế hoạch đề ra.

Căn cứ nội dung Kế hoạch, các đơn vị, địa phương khẩn trương triển khai thực hiện. Báo cáo định kỳ hằng năm (*trước ngày 10 tháng 12*) và đột xuất (*khi có yêu cầu*) về Ủy ban nhân dân huyện (*qua Phòng Lao động - TB&XH*) để tổng hợp, báo cáo theo quy định. Quá trình thực hiện nếu phát sinh khó khăn, vướng mắc; các địa phương, đơn vị kịp thời phản ánh bằng văn bản về Ủy ban nhân dân huyện để tổng hợp, xem xét, điều chỉnh phù hợp./.

Nơi nhận:

- Sở Lao động - TB&XH (b/c);
- TT Huyện ủy (b/c);
- TT HĐND huyện (b/c);
- CT, PCT UBND huyện;
- UB MTTQVN huyện và các đoàn thể huyện (p/h);
- Các cơ quan, đơn vị có liên quan (t/h);
- UBND các xã, thị trấn (t/h);
- Lưu VT, LĐ.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Phạm Thị Thương

